

GIÁO DỤC- YẾU TỐ QUAN TRỌNG TRONG PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ TRI THỨC

Hoàng Kim Oanh

Khoa Kinh tế chính trị, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Tóm tắt: Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và sự phát triển của khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo đang diễn ra như vũ bão, kinh tế tri thức đang dần trở thành xu hướng phát triển chung của nhiều quốc gia, nền kinh tế trên thế giới. Tại Việt Nam, việc ứng dụng các thành tựu của khoa học - công nghệ vào sản xuất đã giúp tăng năng suất, nâng cao chất lượng của quá trình tăng trưởng. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, bên cạnh những thành tựu đạt được, kinh tế tri thức tại Việt Nam vẫn gặp phải một số hạn chế nhất định, một trong số đó là yếu tố giáo dục. Vì vậy, trên cơ sở phân tích thực trạng phát triển thời gian qua, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy sự phát triển của kinh tế tri thức của Việt Nam trong giai đoạn tới.

Từ khóa: Kinh tế tri thức, giáo dục, Việt Nam.

EDUCATION – A KEY FACTOR IN THE DEVELOPMENT OF THE KNOWLEDGE ECONOMY

Abstract: In the context of the Fourth Industrial Revolution and the rapid development of science, technology, and innovation, the knowledge economy is gradually becoming a common development trend among many countries and economies worldwide. In Vietnam, the application of scientific and technological achievements to production has helped increase productivity and improve the quality of economic growth. However, despite the achievements gained during the development process, the knowledge economy in Vietnam still faces certain limitations, one of which is the educational factor. Therefore, based on an analysis of the current development situation in recent years, this article proposes several solutions to promote the further development of Vietnam's knowledge economy in the coming period.

Keywords: knowledge economy; education; Vietnam.

Nhận bài: 28/02/2026

Phản biện: 22/03/2026

Duyệt đăng: 25/03/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ, tri thức ngày càng trở thành nguồn lực sản xuất trực tiếp, giữ vai trò quyết định đối với năng suất, chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia. Kinh tế tri thức vì vậy đã trở thành xu hướng phát triển tất yếu của thế giới hiện đại. Đối với Việt Nam, phát triển kinh tế tri thức không chỉ là yêu cầu khách quan của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà còn là con đường quan trọng để rút ngắn khoảng cách phát triển, nâng cao vị thế quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu. Trong tiến trình đó, giáo dục giữ vai trò đặc biệt quan trọng, bởi đây là lĩnh vực trực tiếp hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng năng lực sáng tạo, khả năng thích ứng công nghệ và tinh thần học tập suốt đời cho con người. Những năm qua, Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong phát triển giáo dục, đào tạo và ứng dụng khoa học - công nghệ. Tuy nhiên, trước yêu cầu mới của nền kinh tế tri thức, giáo dục nước ta vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế về chất lượng, tính thực tiễn, khả năng gắn

kết với thị trường lao động và nhu cầu phát triển. Vì vậy, nghiên cứu vai trò của giáo dục trong phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam hiện nay có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Kinh tế tri thức và vai trò của giáo dục trong phát triển kinh tế tri thức

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin và truyền thông, việc tạo ra của cải thông qua áp dụng kiến thức và sự sáng tạo của con người đang dần vượt qua việc khai thác và chế biến tài nguyên thiên nhiên. Điều này khiến cho tri thức đã trở thành một mặt hàng thiết yếu đối với các quốc gia, doanh nghiệp và cá nhân trong thế kỷ 21 - thời đại của nền kinh tế tri thức.

Vai trò của tri thức đối với kinh tế đã được nhiều tổ chức quốc tế và học giả trên thế giới đề cập tới từ đầu thế kỷ 20 như: Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế cho rằng kinh tế tri thức là một nền kinh tế dựa trực tiếp vào sản xuất, phân phối và sử dụng kiến thức và thông tin; Theo Bộ Công nghiệp và Thương mại Anh năm 1998: “Nền kinh

tế dẫn dắt bởi tri thức là nền kinh tế trong đó sản sinh ra và khai thác tri thức giữ vai trò nổi bật nhất trong việc tạo ra của cải”. Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á Thái Bình Dương định nghĩa một cách cụ thể hơn là nền kinh tế mà trong đó quá trình sản xuất, phân phối và sử dụng tri thức trở thành động lực chính cho tăng trưởng, cho quá trình tạo ra của cải và việc làm trong tất cả các ngành kinh tế. Tại Việt Nam, thuật ngữ “kinh tế tri thức” xuất hiện đầu tiên trong Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX; Đến Đại hội lần thứ XI, Đảng tiếp tục khẳng định công nghiệp hoá, hiện đại hoá cần gắn với phát triển kinh tế tri thức. Gần đây, các khái niệm “chuyển đổi số”, “đổi mới sáng tạo”, “phát triển kinh tế” tiếp tục được nhấn mạnh trong văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII. Như vậy, có thể thấy: kinh tế tri thức có thể được hiểu là một mô hình kinh tế mà tri thức được tiếp thu, tạo ra, phổ biến và sử dụng hiệu quả để thúc đẩy phát triển kinh tế. Theo đó, kinh tế tri thức được đặc trưng bởi sự phát triển của các ngành công nghiệp có hàm lượng tri thức cao, chẳng hạn như ICT, phần mềm, và dịch vụ kỹ thuật. Sự phát triển của nền kinh tế này còn đi kèm với xu hướng tăng cường đầu tư từ cả khu vực công và tư nhân vào các lĩnh vực tạo ra tri thức, như khoa học và công nghệ, nghiên cứu và phát triển, và giáo dục bậc cao. Hay có thể nói, kinh tế tri thức là việc phát triển các ngành kinh tế dựa nhiều vào tri thức, các ngành kinh tế công nghệ cao và ứng dụng tri thức vào tất cả các lĩnh vực kinh tế.

Theo World Bank (1999), 4 trụ cột cốt lõi tạo nên một nền kinh tế tri thức gồm: (i) Môi trường kinh tế và thể chế xã hội; (ii) Giáo dục và đào tạo; (iii) Hệ thống sáng chế; (iv) Hạ tầng thông tin. Lý thuyết về vốn con người ra đời vào đầu thập niên 60 của thế kỷ 20 cũng đã chỉ ra rằng: giáo dục tạo ra vốn con người nên nó là yếu tố quan trọng trong nền kinh tế. Vốn con người là một trong những nhân tố chính tác động đến tăng trưởng kinh tế thông qua chất lượng lao động và làm tăng thêm năng suất lao động. Dẫn đến giáo dục được xem như là một nhân tố sản xuất thêm vào trong mô hình tăng trưởng tân cổ điển, trong đó tiến bộ kỹ thuật là yếu tố ngoại sinh. Trên thực tế, các nghiên cứu đã chứng minh giáo dục có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế tri thức, tăng

trưởng và phát triển kinh tế, gia tăng năng suất lao động. Bởi, giáo dục có tác động tới tốc độ bắt kịp và lan truyền công nghệ, nó tạo ra khả năng cho một quốc gia tiếp nhận, ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, những tri thức của xã hội, từ đó tác động đến khả năng sáng tạo của quốc gia đó. Trong kinh tế tri thức, tri thức là yếu tố chủ yếu của sản xuất, so với các yếu tố khác thì tri thức khi tham gia vào quá trình sản xuất không những không bị bao mòn cạn kiệt mà còn luôn được nâng cao. Bởi, khi chuyển giao và chia sẻ tri thức cho người khác, người sở hữu tri thức đã thông qua giáo dục để chia sẻ tri thức cho người khác, giúp cho người khác ứng dụng và sáng tạo tri thức vào sản xuất, kinh doanh. Nhưng người chuyển giao tri thức không những vẫn giữ nguyên mà còn tăng thêm nguồn vốn tri thức lên gấp bội nhờ vào sử dụng giáo dục có hiệu quả. Hàm lượng trí tuệ trong lao động do giáo dục mang lại cho con người trở thành nguồn lực đặc biệt trong sản xuất, nguồn lực duy nhất tạo ra lợi thế so sánh dài hạn. Giáo dục tạo nên vốn dữ liệu, chuyển tải thành thông tin, tri thức từ đó chuyển thành công nghệ ứng dụng vào sản xuất. Như vậy, con đường chủ đạo nhất để phát triển nền kinh tế tri thức là thông qua giáo dục. Điều kiện tiên quyết là giáo dục phải có chất lượng cao để người học có được năng lực ứng dụng, sáng tạo, chia sẻ và sử dụng tri thức. Từ những luận giải trên có thể thấy: giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra nguồn lực tri thức dồi dào, phong phú cho xã hội, từ đó giúp nâng cao trình độ nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào cuộc sống- đó chính là con đường để phát triển nền kinh tế tri thức cho các quốc gia.

2.2. Một số vấn đề đặt ra cho giáo dục trong phát triển nền kinh tế tri thức của Việt Nam

Báo cáo chính trị tại Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định khoa học, công nghệ và kinh tế tri thức sẽ ngày càng giữ vai trò nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Điều đó cho thấy Đảng và Nhà nước đã sớm có định hướng chiến lược trong việc nắm bắt, khai thác và sử dụng các thành tựu khoa học – công nghệ hiện đại để thúc đẩy phát triển đất nước. Kinh tế tri thức mở ra cơ hội để Việt Nam đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, song quá trình này đòi hỏi phải thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ: chuyển

từ kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp và từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức. Đây là chủ trương có cơ sở khoa học và phù hợp với xu thế chung của thời đại.

Trong bối cảnh chưa có quốc gia nào xây dựng được một nền kinh tế tri thức hoàn chỉnh, Chỉ số Tri thức toàn cầu (GKI) trở thành công cụ hữu ích để đánh giá mức độ hỗ trợ phát triển con người toàn diện và bền vững, đặc biệt đối với các quốc gia thu nhập trung bình và thấp đang nỗ lực bắt kịp nhóm phát triển. Trong cấu trúc của GKI, giáo dục giữ vai trò trụ cột cốt lõi, bao gồm các chỉ số thành phần về giáo dục cơ sở, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục bậc cao, nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ, cùng công nghệ thông tin và truyền thông.

Thực tiễn cho thấy giáo dục cơ sở của Việt Nam có xu hướng ổn định với điểm số và thứ hạng tăng nhẹ, phản ánh sự quan tâm đầu tư vào hạ tầng giáo dục và đào tạo giáo viên. Giáo dục nghề nghiệp ghi nhận bước cải thiện rõ rệt về thứ hạng, cho thấy hiệu quả của các chính sách nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của hệ thống đào tạo nghề. Ở giáo dục bậc cao, Việt Nam cũng có sự tăng nhẹ về điểm số nhờ các chính sách cải cách, tăng cường quản lý, minh bạch, đầu tư cơ sở vật chất và thúc đẩy hợp tác quốc tế. Đối với nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ, Việt Nam có nhiều tiến bộ tích cực, được ghi nhận là quốc gia cải thiện nhanh về đổi mới sáng tạo và có hiệu quả tốt trong chuyển hóa nguồn lực đầu vào thành kết quả đầu ra. Trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông, Việt Nam cũng đạt nhiều thành tựu với sự ưu tiên đầu tư vào hạ tầng số, phát triển dịch vụ công trực tuyến và kinh tế số.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, giáo dục Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế đang cản trở sự phát triển của nền kinh tế tri thức. Khoảng cách phát triển giáo dục giữa các vùng chưa được thu hẹp; giáo dục ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn; đội ngũ giảng viên đại học và giáo viên trường nghề chất lượng cao còn thiếu; chất lượng và hiệu quả đào tạo nhìn chung chưa đáp ứng yêu cầu. Tình trạng học thụ động, chương trình nặng lý thuyết, nhẹ thực hành, cơ sở vật chất còn thiếu, liên kết giữa nhà trường với doanh nghiệp chưa hiệu quả, mất cân đối ngành nghề và thiếu hụt

nhân lực kỹ thuật vẫn là những vấn đề nổi bật. Dù Việt Nam đã thành công trong việc tiếp thu và vận dụng tri thức toàn cầu, song tăng trưởng chủ yếu vẫn dựa vào đầu tư hơn là sáng tạo, cho thấy đất nước vẫn đứng trước nhiều thách thức trong xây dựng nền kinh tế tri thức.

2.3. Một số gợi mở nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế tri thức

Thứ nhất, cần đổi mới nhằm nâng cao chất lượng giáo dục

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp bậc học, cụ thể là: xây dựng nền giáo dục theo hướng “chuẩn hóa, hiện đại hóa và xã hội hóa” Chuẩn hóa có thể hiểu bao gồm những nội dung như chương trình đào tạo, nội dung giảng dạy, sách giáo khoa, quy trình kiểm tra đánh giá. Nội dung chương trình đào tạo phải “hiện đại hóa”, đổi mới, cập nhật thường xuyên để phù hợp nhu cầu xã hội, cung cấp cho người học tri thức khoa học mới, những nội dung mới phản ánh những thành tựu mới của khoa học, văn hóa đáp ứng với nhu cầu xã hội, khu vực, quốc tế nhằm giảm dần tình trạng sinh viên sau khi tốt nghiệp vào doanh nghiệp phải đào tạo lại. Nội dung chương trình đào tạo hiện đại nhưng tinh giản; Hiện đại hóa phương pháp đào tạo, phương pháp giảng dạy, tránh nhồi nhét, học vẹt bởi hạt nhân của giáo dục thời đại kinh tế tri thức là đào tạo tư duy sáng tạo và năng lực sáng tạo của nhân tài. Phải chuyển trọng tâm của giáo dục từ trang bị kiến thức sang bồi dưỡng rèn luyện phương pháp tư duy, giải quyết vấn đề cho sinh viên; chủ yếu bồi dưỡng phương pháp để sau khi sinh viên ra trường có khả năng tự đào tạo, năng lực giải quyết vấn đề và thích nghi với sự phát triển. Tăng cường sự tương tác giữa thầy và trò, ứng dụng công nghệ mới trong giảng dạy, tăng cường dạy công nghệ thông tin trong tất cả các bậc học. Đặc biệt, cần chuẩn hóa đội ngũ giáo viên. Ưu tiên đầu tư đào tạo đội ngũ giáo viên dạy tiếng Anh và Tin học, tiến đến việc học ngoại ngữ, tin học là môn bắt buộc ở bậc học tiểu học trên tất cả các vùng miền và có chuẩn quy định đối với từng bậc học.

Thứ hai, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực là tổng thể những tiềm năng lao động sáng tạo của xã hội, là tài nguyên quan

trọng và cơ bản nhất của một quốc gia, là yếu tố quyết định nhất của lực lượng sản xuất. Phát triển nguồn nhân lực chính là phát huy nhân tố con người, gia tăng toàn diện giá trị con người trên các mặt trí tuệ, đạo đức, thể lực, năng lực lao động, sáng tạo và bản lĩnh chính trị, năng lực làm chủ những tiến bộ về công nghệ và tri thức khoa học tiên tiến. Con người chính là hạt nhân và là mục đích của hoạt động tri thức, kinh tế. Con người là môi giới trung gian của nền kinh tế tri thức, đồng thời con người cũng là thực thể của tri thức, là người sáng tạo trực tiếp của nền kinh tế tri thức. Vì vậy, trong quá trình phát triển nền kinh tế tri thức cần phát huy vai trò trung tâm của nguồn nhân lực. Bởi, trí tuệ là nhân tố quan trọng hàng đầu, là điều kiện tiên quyết để áp dụng khoa học công nghệ vào hoạt động sản xuất từ đó làm chủ và sử dụng khoa học công nghệ, phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Do đó, để phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thì đòi hỏi giáo dục cần gắn chặt giáo dục, đào tạo với thực tiễn sản xuất và đời sống: Ứng dụng, nghiên cứu khoa học trong nhà trường, học sinh sinh viên. Tổ chức cho sinh viên đi thực tế, thực tập, thực hành tại các doanh nghiệp nhằm giúp người học cọ sát thực tiễn, đây là điều kiện cần thiết không thể thiếu đối với các trường cao đẳng, đại học tu thực, khi cơ sở vật chất kỹ thuật của họ chưa đáp ứng theo hướng hiện đại. Tăng cường hệ thống đào tạo trực tuyến (e-Learning) giúp người học tự học, nâng cao trình độ, học tập suốt đời. Bên cạnh đó, cần chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, chăm sóc, phát triển năng khiếu, tài năng. Nhà nước cần có chính sách khuyến khích, huy động nguồn lực từ cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội đỡ đầu bảo trợ các tài năng giỏi. Thành lập, củng cố các cơ sở dạy nghề công lập, ngoài công lập, nhất là ở khu vực nông thôn. Phát triển các hình thức dạy nghề đa dạng, linh hoạt, thiết thực, gắn với khả năng tạo ra việc làm, đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện cho người lao động có thể trau dồi nghề nghiệp thường xuyên, suốt đời qua đó nâng tỷ lệ công nhân tri thức và lao động tri thức trong công nghiệp và dịch vụ. Khuyến khích các doanh nghiệp, các khu công nghiệp thành lập các cơ sở dạy nghề chất lượng cao,

vừa dạy nghề, vừa tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, thúc đẩy phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho cả nước.

Thứ ba, xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin

Thực hiện điều chỉnh cơ cấu công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng giá trị gia tăng. Chú trọng thực hiện đồng bộ các chính sách thu hút đầu tư, chính sách tài chính để khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao, ít sử dụng tài nguyên, năng lượng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; xây dựng cơ sở hạ tầng-công nghệ tiên tiến, hiện đại. Thực hiện chiến lược phát triển khoa học có lộ trình phù hợp với năng lực nội sinh và có khả năng tranh thủ các thành tựu thế giới. Trong giai đoạn đầu tiên, chiến lược đó cần dành sự ưu tiên cho việc khuyến khích hoạt động tiếp nhận, học hỏi và ứng dụng thành tựu khoa học – công nghệ của thế giới. Hội nhập sâu rộng vào kinh tế quốc tế. Tiếp tục thu hút đầu tư nước ngoài, thu hút các tập đoàn xuyên quốc gia, có tiềm lực khoa học – công nghệ, tài chính mạnh đầu tư vào Việt Nam, khuyến khích xây dựng các trung tâm nghiên cứu và phát triển, qua đó tri thức, công nghệ lan tỏa rộng khắp nền kinh tế, tạo thêm nhiều việc làm, tranh thủ tối đa sự chuyển giao công nghệ hiện đại từ đối tác nước ngoài cho phát triển công nghiệp. Phát triển khu công nghiệp, khu công nghệ cao, quy mô cấp vùng, với hạt nhân là vườn ươm công nghệ, vườn ươm doanh nghiệp hiện đại, thay thế các khu công nghiệp kiểu cũ kém hiệu quả. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Chú trọng phát triển thị trường công nghệ, đây là lực kích thích quan trọng nhất của nền khoa học. Đảm bảo năng lực cạnh tranh, thành lập các trung tâm chuyển giao công nghệ có cơ chế hỗ trợ vốn vay đầu tư đổi mới công nghệ. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, mạng viễn thông và internet, nâng cao nhanh mức độ sẵn sàng kết nối mạng. Tiếp tục phát triển và hoàn thiện hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin đặc biệt là phát triển hạ tầng viễn thông băng thông tin rộng, đa phương tiện tới tất cả tỉnh, thành trong cả nước, nhằm thúc đẩy, đặt nền móng cho phát triển thương mại điện tử, chính phủ điện tử, giáo dục điện tử, y tế điện tử. Bảo đảm hệ thống mạng

thông tin trong nước đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, kết nối mọi miền đất nước với tốc độ cao, dung lượng lớn, giá cước thấp. Mọi trường học, bậc học, cấp học đều được nối mạng internet; Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo. Toàn bộ học sinh từ cấp tiểu học trở lên đều được học và sử dụng được máy vi tính, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học, phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh, sinh viên cao đẳng, đại học, trong việc tự học tập, nghiên cứu khoa học. Phát triển hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin được xác định là một trong những con đường ngắn nhất và làm đòn bẩy khơi dậy mọi tiềm năng, nội lực trong nước.

III. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh quốc tế mới, toàn cầu hóa gia tăng nhanh chóng, khoa học công nghệ phát triển

như vũ bão, kinh tế tri thức đang hình thành, nếu Việt Nam không tận dụng được thời cơ, phát huy sức mạnh của dân tộc để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì nước ta sẽ bị tụt hậu rất xa và sẽ không tránh khỏi sự đe dọa của làn sóng toàn cầu hóa. Vì vậy, đòi hỏi cấp thiết hiện nay là cần phải đầu tư cho phát triển giáo dục, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, từ đó nâng cao nguồn nhân lực đáp ứng với đòi hỏi ngày càng cao của nền kinh tế tri thức. Phát triển kinh tế tri thức ngay trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hóa sẽ giúp Việt Nam đi nhanh tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ văn minh, góp phần đưa Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, bắt kịp sự phát triển của các nước trong khu vực và trên thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Kefela, G. T. (2010), 'Knowledge-based economy and society has become a vital commodity to countries', *International NGO Journal*, 5(7), 160-166
- APEC (2000), Báo cáo của Ủy ban kinh tế APEC, tháng 11/2000.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
- World Bank (1999), *Knowledge for Development: World Development Report 1998-99*, Washington, DC: The World Bank and Oxford University Press
- Đặng Hữu (2004), *Kinh tế tri thức, Thời cơ và thách thức đối với sự phát triển của Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Đặng Hữu (2000), *Nền kinh tế tri thức - nhận thức và hành động*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- UNDP & MBRF (2023), *Global Knowledge Index 2023*, Al Ghurair Printing Press, Dubai.
- Trần Thị Minh Tuyết (2022), *Đổi mới giáo dục đại học ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*, truy cập ngày 20/4/2024, Google (2022), *E-Economy SEA 2022*, Accessed on 20 April 2024, https://economysea.withgoogle.com/intl/ALL_vn/report
- Nguyễn Văn Tùng (2001), *Nền kinh tế tri thức và yêu cầu đổi mới giáo dục Việt Nam*, Nhà xuất bản thế giới, Hà Nội